

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ TÚ
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 14 – 7 – 2020

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Luân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Thanh Phong.
2. Ông Nguyễn Thành Nghiêm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Yến – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Triệu Thị Mộng Lý – Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 155/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2020, về việc: “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thu V;

Địa chỉ: ấp T, xã M1, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Ngọc T;

Địa chỉ: ấp T, xã M1, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Các đương sự đều vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 20/5/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thu V trình bày:

Vào ngày 24/3/1997, chị V và anh T tự nguyện tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau như vợ chồng, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau khi cưới, chị V và anh T sống chung tại ấp T, xã M1, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Nhưng từ ngày 02/02/2020, chị V và anh T phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, làm cho cuộc sống chung không còn hạnh phúc nên chị V

và anh T không còn sống chung từ tháng 5 năm 2020. Trong thời gian sống chung, chị V và anh T có 02 (hai) con chung tên Lê Ngọc Anh Th, sinh ngày 27/4/1998 và Lê Ngọc Anh N, sinh ngày 08/4/2002. Hiện nay cháu Th và cháu N đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động để nuôi sống bản thân. Về tài sản chung tự thỏa thuận, về nợ chung không có.

Nay chị V yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị V và anh T là vợ chồng.
- Về con chung: Do các con chung đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.
- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu giải quyết.

** Tại Biên bản ghi lời khai ngày 18/6/2020, bị đơn anh Lê Ngọc T trình bày:*

Anh T thống nhất với trình bày của chị V về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Do cuộc sống chung phát sinh mâu thuẫn nên chị V và anh T không còn sống chung từ tháng 5/2020. Nay chị V yêu cầu Tòa án không công nhận chị V và anh T là vợ chồng thì anh T không đồng ý. Về con chung, anh T thống nhất hiện nay các con chung đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung, anh T thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung, anh T thống nhất không có, nên không yêu cầu giải quyết.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án như sau:*

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay là đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tuyên xử không công nhận chị V và anh T là vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Trần Thu V khởi kiện anh Lê Ngọc T, cư trú tại ấp T, xã M1, huyện M, tỉnh Sóc Trăng để yêu cầu Tòa án không công nhận chị V và anh T là vợ chồng. Nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung, tài sản chung và nợ chung do các con chung đã đủ 18 tuổi, tự thỏa thuận về tài sản chung và nợ chung không có. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a

khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa, các đương sự đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ, nhưng vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án chị V và anh T thống nhất trình bày: Vào năm 1997, chị V và anh T tự nguyện tổ chức lễ cưới và sống chung như vợ chồng, nhưng đến nay vẫn không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau khi cưới, chị V và anh T sống chung tại ấp T, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Từ tháng 5 năm 2020, chị V và anh T xảy ra mâu thuẫn làm cho cuộc sống chung không còn hạnh phúc nên chị V và anh T đã không còn sống chung. Đơn chiếu “Đơn yêu cầu xác nhận” ngày 14/5/2020 của chị V được Ủy ban nhân dân xã M1 xác nhận chị V và anh T từ trước đến nay không có đăng ký kết hôn là đúng. Từ đó, có cơ sở xác định chị V và anh T không có đăng ký kết hôn là sự thật. Theo khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *“Nam, nữ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng”*, đồng thời, tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *“Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này...”*. Như vậy, chị V và anh T sống chung với nhau như vợ chồng, mặc dù đủ điều kiện kết hôn nhưng không có đăng ký kết hôn, nay chị V yêu cầu không công nhận chị V và anh T là vợ chồng là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung, chị V và anh T đều thống nhất trình bày: Trong thời gian sống chung, chị V và anh T có 02 (hai) con chung tên Lê Ngọc Anh Th, sinh ngày 27/4/1998 và Lê Ngọc Anh N, sinh ngày 08/4/2002. Hiện nay cháu Th và cháu N đã đủ 18 (mười tám) tuổi và có thể tự lao động để nuôi sống nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: chị V và anh T thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: chị V và anh T thống nhất là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí sơ thẩm: Chị V là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thu V.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Trần Thu V và anh Lê Ngọc T là vợ chồng.

2. Về con chung: Các con chung đã đủ 18 (mười tám) tuổi và các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Các đương sự thống nhất không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí sơ thẩm: chị Trần Thu V phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002367 ngày 22/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng. Chị V đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND xã M1, huyện M, tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Luân